

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/DS-ST
Ngày 28-4-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Thanh Tâm

Bà Lê Thị Hồng Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2025/TLST - DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 415/2026/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 4 năm 2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp N, xã L, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Trương Thị Thùy L, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Ấp N, xã L, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2025, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Minh H trình bày:

Ông và bà L có quen biết nhau, vào ngày 24/6/2024 dương lịch đến ngày 17/02/2025 bà L có hỏi vay tiền của ông nhiều lần, đến ngày 17/02/2025 ông và bà L chốt nợ lại bà L còn nợ số tiền 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng có chữ ký xác nhận bà L. Bà L hứa khi

nào bà có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L sẽ cầm cho ông trừ nợ hoặc cầm chỗ khác lấy tiền trả nợ cho ông. Sau khi vay bà L không trả vốn và lãi theo thỏa thuận. Do tại phiên hòa giải, bà L có mặt nên ông xin rút lại các yêu cầu giám định trước đây.

Tại phiên tòa, ông yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ giải quyết những vấn đề sau đây: Buộc bà Trương Thị Thùy L phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 64.000.000 (sáu mươi bốn triệu) đồng. Buộc bà Trương Thị Thùy L phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền theo mức lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 17/02/2025 đến ngày hôm nay 28/4/2026 tạm tính là 14 tháng 11 ngày: $64.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\% \times 14 \text{ tháng } 11 \text{ ngày}$, với số tiền lãi 15.263.147 đồng làm tròn là 15.263.000 (Mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn) đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi yêu cầu bà Trương Thị Thùy L phải trả là: 79.263.000 (Bảy mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn) đồng

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trương Thị Thùy L trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H, thì bà thừa nhận có vay tiền của ông H nhiều lần. Đến ngày 17/02/2025 hai bên chốt nợ và bà thống nhất còn nợ ông H số tiền 64.000.000 (sáu mươi bốn triệu) đồng, nhưng số tiền này là tiền lời. Tờ giấy kê ngang có nội dung “ Ngày thuê kho ngày 30/4/2024 có nội dung: “ Ngày 29/8/2024 mượn tiền TC: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và được tính ngày 29/8/2024 (DL) lãi 3%. Ngày 29/9/2024 thiếu; 29/10/2024 thiếu; 29/11/2024 thiếu; 29/12/2024 thiếu; 29/01/2025 thiếu; 29/02/2025 thiếu. Ngày 17/02/2025 tôi Trương Thị Thùy L nhận thêm 10.000.000 (mười triệu đồng) tôi hứa khi có số đất thừa kế từ cha tôi.tôi sẽ cầm cho em H. Hoặc cầm chỗ khác để thanh hết phần số tiền đã thiếu em H. TC 64 triệu với lãi 3%. Người nhận Trương Thị Thùy L” – Nội dung và chữ viết trong tờ giấy này là do ông Trần Minh H viết và bà có biết ông H ghi bài còn nợ số tiền 64.000.000 đồng. Bà thừa nhận chữ ký và chữ viết “Trương Thị Thùy L” dưới góc phải Tờ giấy kê ngang là của bà. Mặt khác, ông H có mua kho của bà, hiện còn nợ bà số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Tại phiên tòa bà cung cấp bản photo giấy hợp đồng thiếu tiền mua kho lập ngày 15/3/2024. Bà yêu cầu xem xét.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H thì bà thống nhất số nợ 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu) đồng và tiền lãi từ 17/02/2025 đến ngày xét xử là 15.263.000 (Mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn) đồng. Tổng cộng vốn lãi là 79.263.000 (Bảy mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn) đồng. Bà đồng ý trả cho ông H 79.263.000 (Bảy mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn) đồng. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn, xin được trả dần mỗi tháng 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung

vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trương Thị Thùy L yêu cầu Tòa án xem xét số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng – mà ông H còn nợ của bà theo Giấy hợp đồng thiếu tiền mua kho lập ngày 15/3/2024. Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, HĐXX không có cơ sở xem xét. Dành quyền khởi kiện cho bà L trong một vụ án khác, khi có yêu cầu.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay 64.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn cũng thừa nhận còn thiếu nguyên đơn số tiền vay 64.000.000 đồng, bị đơn cho rằng đây là tiền lời, nhưng không có cung cấp được chứng cứ cho lời trình bày của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên HĐXX khẳng định bà Trương Thị Thùy L đã vay và nhận đủ của ông H số tiền 64.000.000 đồng. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền vay 64.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bà Trương Thị Thùy L phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền theo mức lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 17/02/2025 đến ngày hôm nay 28/4/2026 tạm tính là 14 tháng 11 ngày: 64.000.000 đồng x 1.66% x 14 tháng 11 ngày, với số tiền lãi làm tròn là 15.263.147 đồng làm tròn là 15.263.000 (Mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn) đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi yêu cầu bà Trương Thị Thùy L phải trả là: 79.263.000 (Bảy mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn) đồng.

Xét thấy: Đối với hợp đồng vay tài sản ngày 17/02/2025, số tiền vay 64.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng bà L và ông H đều thống nhất lãi cho vay 3%/tháng. Nhưng kể từ thời điểm vay bà L không trả lãi. Theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới

hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).

Do đó số tiền lãi mà bị đơn phải trả: 64.000.000 (Sáu mươi bốn triệu) đồng x 1.66% x (từ ngày 17/02/2025 đến ngày 28/4/2026: 14 tháng 11 ngày) = 15.263.147 (Mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, một trăm bốn mươi bảy) đồng, làm tròn là 15.263.000 (Mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn) đồng.

[3] Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay 64.000.000 đồng và tiền lãi: 15.623.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi làm tròn là: 79.263.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của bị đơn xin được trả dần số tiền 79.263.000 đồng mỗi tháng 200.000 đồng, nhưng nguyên đơn không đồng ý, do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trương Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.963.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 280, Điều 351; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Trương Thị Thùy L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Minh H số tiền vốn 64.000.000 (Sáu mươi bốn triệu) đồng, tiền lãi: 15.263.000 (mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn) đồng. Tổng cộng là 79.263.000 (Bảy mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn) đồng.

Kể từ ngày ông Trần Minh H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trương Thị Thùy L còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.963.000 (ba triệu, chín trăm sáu mươi ba ngàn) đồng.

Ông Trần Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Minh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.799.200 (Một triệu, bảy trăm chín mươi chín ngàn, hai trăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009506 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Triều Vũ Hà